

TÍN NGƯỠNG THỜ NỮ THẦN Ở VIỆT NAM TỪ GÓC NHÌN “ BÌNH ĐẲNG GIỚI ”

ĐỖ LAN HIỀN^(*)
PHÙNG THỊ AN NA^(**)

Trong nhiều thế kỉ, đời sống văn hóa, xã hội, chính trị, tư tưởng của Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề bởi ý thức hệ Nho giáo, một ý thức hệ mang đặc trưng phụ quyền, trọng nam khinh nữ. Hiện nay, hệ thống những nguyên tắc đạo đức, luân lí của Nho giáo không còn là chuẩn mực buộc con người và xã hội Việt Nam phải tuân thủ và noi theo nữa, nhưng một số hệ giá trị của Nho giáo đã ăn sâu vào nếp sống của người dân và vẫn được thừa nhận một cách rất tự nhiên, rất tập tục, đó chính là nếp sống gia trưởng, bất bình đẳng giới, thể hiện ở thái độ *trọng nam khinh nữ*, hội chứng nam *trưởng*, nữ *phó*, *chính* phu, *phụ* thê, chồng *chính*, vợ *tùy*.

Song, một điều đặc biệt là, nếu như ở các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao..., yếu tố nữ có phần bị “coi nhẹ”, thì trong lĩnh vực văn hóa, trong hệ thống tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt, yếu tố nữ xem ra lại có phần “nổi trội”, thể hiện một sự bình đẳng giới rõ rệt. Thậm chí, các nhà nghiên cứu văn hóa còn cho rằng, văn hóa của người Việt thiên về Âm tính/Mẫu tính hơn, thể hiện trong ngôn ngữ⁽¹⁾: những gì to, lớn, vĩ đại đều được gọi là *cái*: sông *cái*,

dường *cái*, cột *cái*, ngón *cái*, trống *cái*, thúng *cái*, v.v... Còn trong hệ thống tín ngưỡng, tôn giáo của Việt Nam, hình ảnh người phụ nữ đã được đưa lên diện thờ và xem họ như một lực lượng siêu nhiên và làm chủ thế giới thần linh, hình thành một thứ tín ngưỡng thờ Nữ thần, thờ Mẫu mà trên thế giới chưa có quốc gia nào có loại hình tín ngưỡng/tôn giáo này.

Cùng với đó còn có hệ thống tín ngưỡng thờ *Tứ Pháp* - thờ các hiện tượng thiên nhiên mây, mưa, sấm, chớp - *Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện*. Tín ngưỡng *Tứ Pháp* là sự hợp phối giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian Việt Nam, trong đó, đối tượng được tôn thờ và thánh hóa cũng mang tính *nữ* (Phật Mẫu Man Nương)⁽²⁾. Trong các huyền thoại, truyền thuyết của Việt Nam, các vị nữ thần cũng được đồng nhất với lực lượng siêu nhiên tạo lập bản thể của vũ trụ như Nữ thần Mặt Trời, Nữ thần Mặt Trăng, Bà Nữ Oa đội đá vá trời, đắp núi, khơi sông. Các yếu tố mang tính bản thể vũ trụ, như Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ cũng

*. PGS, TS, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

** . ThS, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

đều được gắn với yếu tố nữ: Bà Kim, Bà Mộc, Bà Thủy, Bà Hỏa...

Tóm lại, trong nhiều loại hình tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam, yếu tố nữ nổi trội thể hiện trên những chiều cạnh sau:

Một là, đối tượng được tôn thờ là Nữ⁽³⁾, người phụ nữ được đồng nhất với các vị thần tối cao có khả năng sáng tạo, bảo trợ và che chở cho sự sống của con người. Các nhân vật lịch sử có thật như hoàng thái hậu, hoàng hậu, công chúa và những người phụ nữ có công với nước, các nhân vật nữ gắn với các điển tích, huyền thoại đều được tôn thành các *Nữ thần* và được đưa vào các đền, chùa, miếu, phủ để thờ⁽⁴⁾.

Hai là, chủ thể/chủ lễ của các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo này, trước đây, chủ yếu là phụ nữ. Đạo Mẫu, gọi là các cô đồng, bà đồng, hiện nay, xuất hiện thêm cô đồng là nam giới⁽⁵⁾ (gọi là cậu đồng, ông đồng), nhưng những người đàn ông này khi đứng giá hầu đồng, làm lễ cũng phải hóa trang, tô son điểm phấn cho giống với phụ nữ.

Ba là, tín đồ⁽⁶⁾ của tín ngưỡng thờ Mẫu/đạo Mẫu cũng chủ yếu là phụ nữ, bởi phụ nữ là những người chủ gia đình, coi sóc "âm phần" của cả gia đình, họ tộc, nên họ đi theo các buổi lễ, các buổi hầu đồng, đến các đền, chùa, miếu, phủ để cầu cúng cho cả gia đình.

Trong hệ thống phong phú và đa dạng của tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam, tín ngưỡng thờ Mẫu/đạo Mẫu là một tín ngưỡng/tôn giáo điển hình, độc đáo, thể hiện "tính trội" của yếu tố Nữ trong đời sống tâm linh, tôn giáo của người Việt.

Dưới đây, chúng tôi sẽ phân tích một số cơ sở (khách quan và chủ quan) của việc thờ Nữ thần ở Việt Nam từ góc nhìn bình đẳng giới và rút ra ý nghĩa của việc nghiên cứu này.

Thứ nhất, yếu tố lịch sử, văn hóa

Lịch sử văn hóa Đông Phương nói chung và Việt Nam nói riêng là một cuộc điều chỉnh từ chế độ mẫu hệ, mẫu cư, mẫu quyền, sang phụ hệ của nhiều cộng đồng người khác nhau. Trong khi đó, văn minh Tây Phương với những xã hội Âu Châu sinh sau đẻ muộn, ra đời khi nhân loại đã "nhảy vọt" qua khỏi thời mẫu hệ chuyển sang chế độ phụ hệ từ rất lâu. Sự chuyển biến này có thể tìm thấy dấu tích của nó trong sự ra đời của Tin Lành giáo (thế kỷ XV ở Âu Châu), trong đó, vai trò của Đức Mẹ Đồng Trinh Maria, theo tinh thần của thần học Tin Lành đã không còn quan trọng như trong Công giáo hay Chính Thống giáo.

Trong khi đó, ở các quốc gia Đông Phương, vấn đề mẫu hệ còn được bảo lưu và phản ánh rõ trong đời sống văn hóa, tôn giáo, chẳng hạn, người Việt đã biến một ông Phật từ bi có tên là Avalokitesvara sang thành phái nữ mang danh Phật Bà Quan Thế Âm⁽⁷⁾. Trong các truyền thuyết, thần thoại của người Việt cũng ghi lại dấu vết của chế độ Mẫu hệ: chuyện Trọng Thủy đi ở rể, chuyện Mẹ Âu Cơ sinh ra bọc trăm trứng, đẻ trăm con - Mẹ. Nữ trở thành biểu tượng của bản thể vũ trụ và cội nguồn vạn vật. Chuyện Mẹ Lúa, Mẹ Mía, Mẹ Lửa, và các Mẹ là tổ sư của các nghề: dệt, tầm, làm muối, nghề mộc, làm bánh,...

Cho đến tận bây giờ, các vùng dân tộc thiểu số của Việt Nam như người Chăm, người Êđê, Giarai, do không chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa, họ vẫn duy trì chế độ mẫu hệ, vai trò của người phụ nữ vẫn rất lớn: chủ động trong hôn nhân, chồng về ở nhà vợ, con cái đặt tên theo họ mẹ...

Thứ hai, về nguyên nhân kinh tế - xã hội

Việt Nam nằm trong khu vực nhiệt đới, gió mùa, nóng, ẩm, nhiều ao hồ, đầm lầy, sinh bãi, nên thích hợp với nghề trồng trọt. Hoạt động kinh tế của người Việt cổ chủ yếu là nông nghiệp lúa nước. Vì là một nền kinh tế thuần nông với 4 yếu tố cơ bản: nước, phân, cày, giống, với kĩ thuật canh tác: cày, bừa, gieo, vãi, tủa, cấy, trồng, gặt, đập, và một hệ thống thống thủy lợi tưới tiêu... đòi hỏi sự tỉ mỉ, khéo léo, chuyên cần của con người, nên phần nhiều đều do bàn tay người phụ nữ đảm trách, quán xuyến (*sớm ra ruộng lúa, tối về nương dâu, vai vác cái cày, tay đuổi con trâu, cái cuốc cho lẩn cái gấu, con dao rựa phát đèo đầu gánh phân...*). Ngoài nông nghiệp ra, những công việc thủ công khác như đan lát, thêu thùa, trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt vải, chăn nuôi... cũng đều cần đến bàn tay của người phụ nữ. Việc buôn bán, tiểu thương cũng do người phụ nữ đảm trách, gánh vác. Có thể nói, người phụ nữ gần như là lao động chính và góp phần đáng kể vào việc sản xuất kinh tế của gia đình (*ruộng sâu, trâu nái không bằng con gái đầu lòng*). Nên vai trò kinh tế của người phụ nữ trở nên rất quan trọng trong gia đình, dù người đàn ông được coi là trụ cột, nhưng về mặt kinh tế, người chồng

chỉ là "cái giỏ", vợ mới là "cái hom", không có cái hom, bao nhiêu cá trong giỏ đều trôi đi hết (của chồng nhưng công vợ).

Trong quan hệ gia đình, người mẹ vẫn là nhất (cha sinh không bằng mẹ dưỡng), hoặc ít ra cũng ngang hàng với người cha (công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra, một lòng thờ mẹ, kính cha...).

Ngoài xã hội, người phụ nữ vẫn được coi trọng (có quyền xưng vương: Bà Trưng, Bà Triệu; lệnh ông không bằng công bà), người Việt cũng không quá coi rẻ, xem khinh người phụ nữ đến độ xếp họ vào hạng tiểu nhân, không hiện hữu⁽⁸⁾. Xã hội không quá bắt ép người phụ nữ phải tuân thủ một cách cứng nhắc lí thuyết *Tam tông (tại gia tông phụ, xuất giá tông phu, phu tử tông tử)* của Nho giáo, không lên án hành vi tái giá, phụ nữ vẫn được phép học hành, được xã hội thừa nhận và đánh giá cao.

Thứ đến, sự phân công "nam ngoại nữ nội" đã hàm nghĩa phong cho phụ nữ là chủ nhà, gọi là "nội tướng", cai quản tài chính, kinh tế, gia sản, và có quyền thừa kế, trong khi đó, nhiều nước Phương Tây, người phụ nữ góa chồng không được làm chủ tài sản (phụ nữ nước Anh chỉ được thừa kế tài sản của chồng từ năm 1882). Người phụ nữ Phương Tây lấy chồng phải mang tên chồng, không được giữ tên mình trong giấy tờ tùy thân. Phải đến tận năm 1920, phụ nữ Mỹ mới được quyền đi bỏ phiếu, năm 1928, phụ nữ Anh mới được quyền đi bầu cử..

Với vị trí quan trọng về mặt kinh tế của người phụ nữ như vậy, nên dù chịu

ảnh hưởng rất nặng nề của chế độ Phong kiến phụ quyền, *trọng nam, khinh nữ* từ Nho giáo nhiều thế kỉ nhưng văn hóa của người Việt vẫn thiên sang phần Mẫu tính, đây chính là một trong những cơ sở để người phụ nữ được tôn vinh và có được vị trí trên điện thờ như các bậc thánh thần.

Thứ ba, về tâm - ý

Người Việt có lối suy tư *phồn thực*, đề cao những yếu tố *Sinh, Dưỡng, Dục* (Sinh sản/dục; Nuôi dưỡng; Giáo dục), mà những yếu tố đó, trong quan niệm của người Việt đều là thuộc tính của Mẫu: Người phụ nữ là cội nguồn của mọi sự *sinh sản* (Mẹ Âu Cơ sinh ra một bọc trăm trứng), người phụ nữ là *trọng tâm* và điều hòa mối quan hệ *dục tính* trong gia đình, người phụ nữ là biểu tượng của ước vọng phong đăng, *phồn thực*, *dâm chồi*, *nảy lộc*, *đơm hoa*, *kết trái*, là biểu tượng cho sự *trường tồn của giống nòi*. Người mẹ cũng là trung tâm của gia đình, *nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục* con cái (cha sinh không bằng mẹ dưỡng, con hư tại mẹ, cháu hư tại bà, con dại cái mang, phúc đức tại *mẫu*).

Người Việt dù rất sợ “Ông Trời, - nhân cách hóa Ông Trời - xem đó là một lực lượng thánh thần có thể che chở, bảo vệ chúng sinh, cũng có thể trừng phạt kẻ ác và nuôi dưỡng vạn vật (Đền Trời soi xét; Ông Trời có mắt; Ăn ở xởi lời thì Trời cởi cho, ăn ở quanh co Trời gò của lại; Ông Trời mưa nắng phải thì; Lạy Trời mưa xuống, lấy nước tôi uống lấy ruộng tôi cày; Làm một cái thang, ba mươi sáu nấc, bắc tự dưới đất, lên hỏi ông Trời, hỏi thăm duyên nợ để đời về sau, v.v.) song

người Việt vẫn đặt vị trí của “Ông Trời” ở bậc thứ hai sau “Vợ” (*nhất Vợ, nhì Trời*).

Trong một số loại hình tín ngưỡng cổ trên thế giới, việc tế lễ được thực hiện chỉ dành riêng cho phái nam tuyệt nhiên không có bóng dáng phụ nữ (như lễ tế thần Mặt Trời), phản ánh đặc trưng của chế độ phụ quyền cực đoan xuất hiện sau này. Song, trong tín ngưỡng thờ thần Mặt Trời của người Việt, khác với các cảnh tế lễ thần Mặt Trời trong các nền văn hóa cổ khác trên thế giới là có sự hiện diện của phái nữ, bằng chứng là các nhà khảo cổ học đã tìm thấy trên một số vách đá, hang động ở Việt Nam những bức vẽ các buổi tế thần Mặt Trời có sự tham gia của người phụ nữ (thậm chí người phụ nữ còn bụng mang dạ chửa), những bức vẽ thần Mặt Trời là âm nữ (đĩa tròn không có tia sáng xung quanh)⁽⁹⁾. Sự hiện diện của cả hai phái nam, nữ trong cảnh tế lễ Mặt Trời, thờ thần Mặt Trời cho thấy xã hội Việt cổ còn giữ nguyên tinh thần mẫu hệ, tôn thờ phái nữ.

Tính Mẫu có phần nổi trội đó là cơ sở tâm lí cho sự hình thành thứ văn hóa thiên về âm tính, và là cơ sở tâm - ý cho sự hình thành tính trội của Nữ trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo.

Thứ tư, sự duy trì mẫu hệ trong lối sống dù đã bị phụ hệ vượt bỏ

Mặc dù, có tới hơn nghìn năm Bắc thuộc và chịu sự ảnh hưởng của văn hóa phụ quyền, nhưng các thị tộc Bách Việt lúc đó vẫn muốn duy trì chế độ mẫu hệ trong lối sống. Khi chế độ phụ quyền được xác lập đã nảy sinh vấn đề tranh

chấp giữa mẫu hệ và phụ hệ, được phản ánh một cách dữ dội qua bài ca dao: *Ba đồng một mớ đàn ông, đem bỏ vào lồng cho kiến nó tha, ba trăm một mụ đàn bà, đem về mà trải chiếu hoa cho ngồi*. Người Việt cũng truyền tụng lại cho con cháu nhiều cốt chuyện cổ tích phản ánh đặc trưng của chế độ mẫu hệ cũng là cách thức phản đối lại chế độ phụ hệ (phản ứng trước sự phân biệt đối xử, sự bất bình đẳng giới).

Trong truyền thống cũng như hiện tại, tinh thần của những cư dân nông nghiệp định cư là coi trọng ngôi nhà và gian bếp, hai nơi quan trọng đó, đều được gắn với vị trí của người đàn bà⁽¹⁰⁾ (*Đàn ông cầm chày, đàn bà làm tổ; Xem trong bếp, biết nét đàn bà; Đàn bà chết thì khách đầy nhà, đàn ông chết thì cỏ gà đầy sân...*). Với một nền kinh tế thuần nông, nên người Việt coi trọng Đất, mà Đất lại được gắn với yếu tố Âm - Nữ - Mẹ (*trời Cha, đất Mẹ*). Và cũng có lẽ, bởi người đàn bà quản hết kinh tế trong gia đình (quản gia) nên họ cũng là người quan trọng trong mối dây liên lạc với họ hàng, làng nước, quê hương, điều đó chứng tỏ, người phụ nữ có một vị trí rất quan trọng trong cuộc sống từ xa xưa cho đến tận ngày nay vẫn vậy.

Lối sống duy tình, duy cảm (*một bó cái lí không bằng một tí cái tình*) của người Việt cũng là một đặc trưng thể hiện thứ văn hóa thiên sang phân âm tính.

Tóm lại, với sự phân tích về lịch sử, về kinh tế, văn hóa, tâm lí, ý thức... và mọi nguồn tư liệu khác đã cho thấy, vào thời kì khai thiên lập địa và nhiều thế kỉ sau đó, vị trí, vai trò của người phụ nữ đã

được khẳng định trên nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Không những thế, họ còn được tôn vinh, tôn thờ như những bậc thánh thần có một sức mạnh siêu nhiên, sáng tạo ra vũ trụ, muôn loài.

Thế rồi, xã hội chuyển biến, cơ chế phụ quyền xuất hiện, phụ quyền không chỉ là những phép tắc của người nam gia trưởng chi phối người nữ trong gia đình mà còn là một định chế chính trị - xã hội ưu tiên cho phái nam để duy trì sự thống trị và khinh miệt phái nữ. Giai cấp thống trị của các thế lực Phong kiến kéo dài hàng nghìn năm ở Việt Nam đã sử dụng Nho giáo như một công cụ tinh thần để áp chế, trói buộc người phụ nữ trong một trật tự đẳng cấp, trong một thứ lễ giáo khát khe, cực đoan đến độ phản nhân văn. Mọi giá trị và chuẩn mực văn hóa đều được đặt ra để phục vụ cho phái nam (tầng lớp "quân tử") mà xã hội Phong kiến ưu ái dành cho nhiều ưu quyền hơn so với phụ nữ, vô hình chung đã đè nặng lên đời sống vật chất và tinh thần của phái nữ. Cơ chế phụ quyền dành ưu quyền cho đàn ông vì kéo dài quá lâu trong lịch sử khiến người phụ nữ bị "thích nghi hóa" với ý thức hệ nam quyền, và chấp nhận phục tùng người đàn ông, chấp nhận vai trò thua kém đàn ông (*Đau đớn thay phận đàn bà, lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung; Thân em như giếng giữa đàng, người khôn rửa mặt, người phàm rửa chân; Trai thì năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên chỉ có một chồng*).

Trước một xã hội đầy những tư tưởng và nền nếp trọng nam khinh nữ, người

phụ nữ Việt bắt đầu phản kháng, đấu tranh dưới mọi hình thức (khi thì âm thầm, khi thì quyết liệt diễn ra suốt hàng nghìn năm) phản ánh những nỗi thống khổ của thân phận phụ nữ, thân phận bị chà đạp, cưỡng ép, chống lại sự bất công trong đối xử với họ (*Chém cha cái kiếp lấy chồng chung, kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng* (Hồ Xuân Hương); *Ví đây đời phận làm trai được, sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu?* (Hồ Xuân Hương); *Thuở trời đất nổi cơn gió bụi, khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên* (Chinh Phụ Ngâm); *Oán chi những khách tiêu phòng, mà xui phận bạc nằm trong má đào* (Cung Oán ngâm khúc). Sự đấu tranh đó như một thứ “vũ khí” bắn vào thành trì luân lí trọng nam khinh nữ, chống lại các tập tục, các lễ giáo và ý hệ Phong kiến khắc nghiệt dành cho phụ nữ, mong muốn thiết lập một trật tự xã hội mới trong đó không còn những cảnh phân biệt đối xử, người phụ nữ phải được bình

dẳng, không còn phải chịu cảnh “*cấm bồng làm mướn, mướn không công*”.

Song, mọi sự đấu tranh đều chỉ là những lời than thở không chống nổi những định chế chính trị - xã hội đã có từ nghìn năm. Chỉ khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, chế độ Phong kiến bị xóa sổ, dân tộc được độc lập, nhân dân được tự do thì người phụ nữ Việt Nam mới thực sự được giải phóng.

Tuy nhiên, để phụ nữ được bình đẳng với nam giới một cách thực thụ, chúng ta không chỉ thừa nhận, tôn vinh họ trong thế giới hữu linh, vô hình mà cần phải cả trong thế giới của thực tại và hữu hình. Nếu một khi người phụ nữ vẫn trở thành “thứ yếu” trên vũ đài chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao, nghệ thuật... vẫn còn hội chứng nam *trưởng*, nữ *phó*, vẫn còn những khẩu hiệu “bình đẳng giới”, chúng ta xã hội đó vẫn còn có sự phân biệt, sự bất bình đẳng đối với phụ nữ và dành nhiều ưu quyền hơn cho phái nam./

Chú thích:

1. Dấu vết sâu đậm nhất của chế độ mẫu hệ được thể hiện chính ở tên đệm 'THỊ' cho người phụ nữ Việt Nam từ xưa đến nay. THỊ viết theo Hán tự 氏 [shi] đã được dùng để chỉ chế độ Thị Tộc, tức là một nhóm người có chung một tộc, hay có chung tổ tiên. Thị Tộc có thể dựa trên chế độ Mẫu Hệ hoặc Phụ Hệ.

Ngôn từ *Cái*, hiện diện khắp nơi, tên vùng miền: Cái Mon, Cái Cồn, Cái Răng, Cái Lược... tên đồ vật, dụng cụ: cái dao, cái rựa, cái nia, cái sàng, cái bàn, cái ghế... Trong ngôn ngữ triết học: cái có - cái không, cái siêu nhiên, cái siêu việt, cái chủ quan, cái khách quan, cái chính... Trong giao tiếp: cái bắt tay, cái thân thiện, cái thân thương... Thậm chí, từ *cái* còn được dùng chỉ người đàn ông như: cái anh chàng ấy, cái ngữ ấy, cái thứ đó...

Thêm nữa, ngôn từ “cậu” dùng để chỉ em của mẹ, “cô, chú” chỉ em của bố, những gì quan trọng, yêu kính, tôn thờ, người Việt và nhiều tộc người thiểu số khác thường dùng từ “cậu”, nghe có phần quan trọng, linh thiêng hơn.

2. Xem tích Man Nương và Khâu Đà La trong *Lĩnh Nam trích quái* của Vũ Quỳnh.

3. Hệ thống thờ cúng của đạo Mẫu là Tam Phủ, Tứ Phủ:

- Tam phủ là thờ 3 Mẫu (Mẫu Thượng Thiên, Mẫu Thượng Ngàn và Mẫu Thoải/Thủy). Ba Mẫu này lần lượt tượng trưng cho 3 yếu tố: Trời, Đất và Nước.

Mẫu Thượng Thiên (còn gọi là Mẫu Đệ Nhất) cai quản bầu trời. Mẫu Liễu Hạnh được coi là hóa thân của Mẫu Thượng Thiên. Bà còn được tôn vinh trong hệ thống tứ bất tử. Mẫu Thượng Ngàn (còn gọi là Mẫu Đệ Nhị) cai quản miền rừng núi.

Mẫu Thượng Ngàn gắn bó với con người cùng cỏ, cây, chim, thú. Đền thờ Mẫu Thượng Ngàn có ở nhiều nơi, nhưng có hai nơi thờ phụng chính là Suối Mỡ (Bắc Giang) và Bắc Lệ (Lạng Sơn).

Mẫu Thoải (hay Thủy) tức là Nước. Sự tích của Bà đến nay chưa được rõ ràng, vì mỗi nơi hiểu theo một cách. Có thuyết nói bà là một vị thần lưỡng tính, cả nam cả nữ, có tên là Nữ Nương. Tuy là đực cái chung nhau nhưng bóng âm tính nặng hơn, nên bà được kết hôn với vị vua dưới nước là Thủy Tề. Thượng đế phong cho bà làm Nữ Nương Nam Nữ Nam Hải Đại Vương. Nơi chính được thờ Bà làm thành hoàng là làng Viêm Xá, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Có thuyết lại nói Mẫu Thoải không phải là một bà mà là nhiều bà. Các bà đều là con của Lạc Long Quân. Trong số con cái sinh ra, Lạc Long Quân đã chọn ba người giao cho việc quản lĩnh sông biển nước Nam, đóng dinh cơ ở sông Nguyệt Đức. Một bà có hiệu là Thủy tinh động đình Ngọc nữ công chúa. Bà thứ hai có hiệu là Hoàng Bà đoan khiết phu nhân, và bà thứ ba là Tam giang công chúa. Công việc của các bà là coi sóc các sông biển, làm mưa và chống lụt giúp nhân dân.

- Tứ Phủ là hệ thống dựa trên Tam phủ nhưng lại có sự bổ sung thêm một phủ thứ tư. Có nhiều quan điểm cho rằng Phủ thứ tư là Nhân phủ của Mẫu Liễu Hạnh, cũng có người cho rằng Liễu Hạnh đại diện cho Mẫu Thượng Thiên nên phủ thứ tư là của Địa mẫu. Địa Mẫu cai quản đất đai và sự sinh sôi của các sinh vật.

4. Theo GS Ngô Đức Thịnh: Ở Việt Nam, chưa ai thống kê một cách hệ thống và đầy đủ các Nữ thần được nhân dân tôn vinh và thờ phụng, tuy nhiên, không ngần ngại khi cho rằng việc thờ phụng này đã có từ rất lâu đời và phổ biến ở nhiều dân tộc, ở đồng bằng cũng như miền núi, ở cả nông thôn lẫn đô thị.

Theo cuốn “Hội Chân biên”, in năm 1847 đời Thiệu Trị, do Thanh Hòa Tử tập hợp, thì trong 27 vị thần tiên có nguồn gốc thuần Việt, có tới 17 vị là Tiên nữ. Còn trong cuốn sách “Các Nữ thần Việt Nam”, đã tập hợp và giới thiệu bước đầu 75 vị Nữ thần tiêu biểu của Việt Nam.

Trong cuốn “Di tích lịch sử văn hóa Việt Nam” đã giới thiệu, trong số 1000 di tích, đã có 250 di tích thờ cúng các nữ thần và danh nhân là nữ. Riêng xung quanh quần thể di tích Phủ Dầy thờ Mẫu Liễu, có hơn 20 đền miếu thờ các nữ thần.

5. Khi tham gia đứng giá hầu đồng, người chủ tế đòi hỏi phải có một sức khỏe thật tốt, bởi khi nhập đồng, họ phải nhảy tới ba bốn chục giá đồng, kéo dài 4 - 5 giờ đồng hồ liền, nếu không có sức khỏe tốt thì khó có thể thực hiện được một lễ hầu đồng trọn vẹn. Vì vậy, đàn ông bắt đầu tham gia nhiều hơn trong vai trò chủ tế.

6. Tín đồ của đạo Mẫu tuy không giống như tín đồ của các tôn giáo khác phải là những người được giáo hội hay tôn giáo đó thừa nhận, có đức tin tuyệt đối vào chúa hay thánh thần của đạo mình, phải thực hiện đầy đủ các lễ nghi, phép tích, giới răn, giới luật của tôn giáo đó, vv ... Tín đồ của tín ngưỡng thờ Nữ thần và của đạo Mẫu là những con nhang, đệ tử. Con nhang là những người đã làm lễ đội bát nhang/bát hương, gửi bản mệnh của mình (bát hương) vào một đền phủ nào đó để cầu thân linh Tứ Phủ che chở. Hằng tháng, cứ ngày mồng một và rằm phải đến đền phủ mà mình gửi bát hương để cúng lễ. Còn đệ tử là những người chưa gửi bát hương vào đền phủ, nhưng có lòng tin vào sự linh thiêng của Thánh Mẫu, do đó, vào dịp lễ tết hay những buổi lên đồng họ cũng đến tham dự và cầu xin Thánh Mẫu ban tài lộc.

7. Giả thuyết khác cho rằng Phật Bà chính là hình ảnh của một công chúa nước (Ngô) Việt của Câu Tiễn ở vùng Chiết Giang vào khoảng năm 700 (Tr CN), mang tên Miao Shan. Chính công chúa Miao Shan đã chuyên cứu vớt, giúp đỡ thủy thủ có tàu bè bị đắm ngoài khơi quần đảo Chusan gần Chiết Giang ngày nay.

8. Trong sách Luận Ngữ, có câu: “Duy nữ tiểu dữ tiểu nhân nan dưỡng dã, cận chi tắc bất ổn, viễn chi tắc oán”, tức là người phụ nữ bị xếp hạng người tiểu nhân, khó đối xử cho vừa lòng, gần thì bất ổn, xa thì oán trách. Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô (một con trai coi như có, mười con gái coi như không), không có con trai nối dõi tông đường là tội bất hiếu lớn nhất (bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại).

9. Trên bãi đá cổ ở Sapa được xác định thuộc thời kỳ Văn hóa Đông Sơn, có những bức vẽ thần Mặt Trời dưới hai hình thức: có tia sáng tỏa rạng (mang yếu tố Dương), không có tia sáng, chỉ là các hình đĩa tròn (thể hiện yếu tố Âm).

10. Trong ngôn ngữ Việt, người vợ thường được gọi một cách trân trọng và tôn quý là “nhà tôi”.